

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA KIỂM TOÁN	3
VIÊN ĐỘC LẬP	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch
Ông Lê Quang Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Châu	Phó Chủ tịch
Bà Trương Thị Thanh Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Jonathon Ralph Alexander Waugh	Ủy viên
Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Điệp Tùng	Ủy viên
Ông Hoàng Nam Tiến	Ủy viên
Ông Trương Đình Anh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đình Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

(Đã ký)

Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần FPT**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào làm chúng tôi tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

(Đã ký)

(Đã ký)

Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Vũ Đức Nguyên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0764/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

*Ngày 27 tháng 7 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			
(100=110+120+130+140+150)			2.463.837.358.616	2.018.957.647.049
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	640.271.750.370	599.782.460.608
1. Tiền	111		83.171.925.570	34.782.460.608
2. Các khoản tương đương tiền	112		557.099.824.800	565.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.724.897.619.000	617.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.724.897.619.000	617.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.290.384.034	582.896.129.299
1. Phải thu khách hàng	131		338.652.974	2.882.442.950
2. Trả trước cho người bán	132		7.136.467.466	4.229.613.236
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	536.751.067.487
4. Các khoản phải thu khác	135		31.815.263.594	39.033.005.626
IV. Hàng tồn kho	140		3.250.747.088	3.253.963.551
1. Hàng tồn kho	141		3.250.747.088	3.253.963.551
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		56.126.858.124	215.525.093.591
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.855.984.994	2.170.348.759
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.183.393.694	49.835.302.774
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.195.202.794	13.456.659.605
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		892.276.642	150.062.782.453
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.944.707.344.462	2.796.583.209.376
I. Tài sản cố định	220		506.379.477.501	469.926.980.223
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	216.970.844.812	219.724.305.405
- Nguyên giá	222		270.910.123.066	263.777.758.058
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.939.278.254)	(44.053.452.653)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	31.929.475.954	23.004.605.655
- Nguyên giá	228		62.179.246.229	49.039.074.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.249.770.275)	(26.034.468.574)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	257.479.156.735	227.198.069.163
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.422.226.948.868	2.307.158.356.185
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	1.703.162.161.890	1.446.290.980.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	471.700.000.000	375.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	261.784.891.300	553.888.966.270
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(14.420.104.322)	(68.521.590.085)
III. Tài sản dài hạn khác	260		16.100.918.093	19.497.872.968
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		16.039.649.093	19.436.603.968
2. Tài sản dài hạn khác	268		61.269.000	61.269.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.408.544.703.078	4.815.540.856.425

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.584.544.865.016	2.176.568.297.220
I. Nợ ngắn hạn	310		782.924.980.441	374.948.412.645
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	496.668.013.224	244.035.815.803
2. Phải trả người bán	312		6.970.188.392	18.209.489.292
3. Người mua trả tiền trước	313		10.151.622.392	9.960.708.106
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	15.635.737.887	30.805.908.828
5. Phải trả người lao động	315		907.197.872	834.032.199
6. Chi phí phải trả	316	15	101.152.852.437	37.173.525.720
7. Phải trả nội bộ	317		119.503.705.650	502.413.551
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	29.757.837.195	29.708.200.780
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.177.825.392	3.718.318.366
II. Nợ dài hạn	330		1.801.619.884.575	1.801.619.884.575
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.619.884.575	1.619.884.575
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	1.800.000.000.000	1.800.000.000.000
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		2.823.999.838.062	2.638.972.559.205
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	2.823.999.838.062	2.638.972.559.205
1. Vốn điều lệ	411		1.934.805.170.000	1.438.319.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54.851.281.360	54.851.281.360
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.782.600.000)	(2.805.550.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		103.009.261	103.009.261
5. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	418		87.203.093.024	87.203.093.024
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		749.819.884.417	1.061.301.055.560
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.408.544.703.078	4.815.540.856.425

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 7 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 02-DN Đơn vị: VND	
			Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	133.216.719.763	4.871.652.088.851
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	864.363
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		133.216.719.763	4.871.651.224.488
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	97.263.052.985	4.735.122.351.564
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		35.953.666.778	136.528.872.924
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	257.004.184.129	327.541.778.615
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	23	58.982.956.977	78.691.697.287
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	83.327.022.605	47.251.593.465
8. Chi phí bán hàng	24		3.250.107.158	11.753.084.088
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		50.875.898.181	76.102.116.700
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		179.848.888.591	297.523.753.464
11. Thu nhập khác	31		229.766.895	23.296.178.772
12. Chi phí khác	32		92.584.227	13.332.947.921
13. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác (40=31-32)	40	24	137.182.668	9.963.230.851
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		179.986.071.259	307.486.984.315
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	13.127.832.402	12.465.332.647
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	-	1.315.185.413
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		166.858.238.857	293.706.466.255

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 7 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ hoạt động từ	Cho kỳ hoạt động từ
		ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	179.986.071.259	307.486.984.315
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	14.401.507.355	14.077.761.750
- Các khoản dự phòng	03	(54.101.485.763)	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(837.825.935)	2.045.518.642
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(236.650.742.130)	(279.340.086.888)
- Chi phí lãi vay	06	83.327.022.605	47.251.593.465
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(13.875.452.609)	91.521.771.284
- Giảm các khoản phải thu	09	562.819.659.284	468.376.615.401
- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	3.216.463	(63.225.942.878)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	119.877.985.872	(124.726.381.574)
- Giảm chi phí trả trước	12	3.711.318.640	1.084.723.180
- Tiền lãi vay đã trả	13	(19.782.208.641)	(30.825.986.052)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(29.125.944.586)	(75.156.573.709)
- Tiền thu/(chi) khác cho hoạt động kinh doanh	16	148.459.507.026	(59.814.645.272)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	772.088.081.449	207.233.580.380
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(79.623.108.921)	(32.323.319.942)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	104.742.972	-
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(2.684.137.619.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay và bán công cụ nợ của các đơn vị khác	24	1.882.931.113.770	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(367.158.220.690)	(7.331.500.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	245.272.705.827	87.642.570.966
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.002.610.386.042)	47.987.751.024

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ hoạt động từ	Cho kỳ hoạt động từ
		ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	18.146.090.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	22.950.000	(489.300.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	937.115.718.525	1.569.576.757.540
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(684.175.102.870)	(2.044.955.316.093)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(98.061.300)	(140.932.304.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	271.011.594.355	(616.800.162.553)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	40.489.289.762	(361.578.831.149)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	599.782.460.608	607.231.328.309
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	640.271.750.370	245.652.497.160

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 7 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FPT ban đầu là một công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/05/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tại ngày 30/06/2010, Công ty Cổ phần FPT có 12 công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty Cổ phần Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty Cổ phần Phần mềm FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Tin học FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông Giải trí FPT;
- Đại học FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bất động sản FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty Cổ phần FPT Visky;
- Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 8 tháng 7 năm 2010, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT tăng từ 1.438.319.670.000 VND lên 1.934.805.170.000 VND.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 160 người (31 tháng 12 năm 2009 là 187 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin, viễn thông, đầu tư và các dịch vụ khác. Các sản phẩm và dịch vụ thông tin chủ yếu bao gồm: tích hợp hệ thống; sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm; các dịch vụ ERP; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; lắp ráp máy tính; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 sẽ tăng 557.066.449 VND và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30/6/2010 sẽ giảm một khoản tương ứng. Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010, cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định cho việc ghi nhận giá trị các tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các khoản mục doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Công ty được xác định theo phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Cho kỳ từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/6/2010
(Số năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	2 - 3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại 153 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất là vô thời hạn và không được trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê; chi phí thuê văn phòng, công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí tân trang văn phòng.

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng từ hai đến ba năm.

Các quỹ

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2006, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Điều lệ Công ty sửa đổi, Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ đầu tư và phát triển.

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

(iii) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được lập hàng năm bằng cách phân bổ không quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính và sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	1.190.485.780	1.145.258.233
Tiền gửi ngân hàng	81.981.439.790	33.637.202.375
Các khoản tương đương tiền (i)	557.099.824.800	565.000.000.000
	640.271.750.370	599.782.460.608

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho Công ty con vay có thời hạn không quá 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay, ủy thác đầu tư ngắn hạn với thời hạn dưới 1 năm.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	9.114.336.000	39.924.738.229	49.039.074.229
Mua trong kỳ	-	13.140.172.000	13.140.172.000
Tại ngày 30/06/2010	9.114.336.000	53.064.910.229	62.179.246.229
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	-	26.034.468.574	26.034.468.574
Khấu hao trong kỳ	-	4.215.301.701	4.215.301.701
Tại ngày 30/06/2010	-	30.249.770.275	30.249.770.275
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2010	9.114.336.000	22.815.139.954	31.929.475.954
Tại ngày 31/12/2009	9.114.336.000	13.890.269.655	23.004.605.655

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại 153 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất vô thời hạn và không được trích khấu hao.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tòa nhà FPT tại 89 Láng Hạ, Hà Nội	31.381.431.184	14.393.543.491
Dự án Khu công nghệ cao T.P HCM	44.348.677.184	26.777.715.110
Dự án FPT City Đà Nẵng	181.749.048.367	181.749.048.367
Khác	-	4.277.762.195
	257.479.156.735	227.198.069.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa và vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tài sản khác</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	186.172.865.830	39.099.752.366	2.187.572.760	35.819.727.029	497.840.073	263.777.758.058
Tăng do mua sắm	-	936.648.081	-	770.549.922	-	1.707.198.003
Tăng do XDCB hoàn thành	-	5.874.711.301	-	-	-	5.874.711.301
Thanh lý, nhượng bán	-	(16.153.365)	-	(374.796.071)	-	(390.949.436)
Giảm khác	(58.594.860)	-	-	-	-	(58.594.860)
Tại ngày 30/06/2010	186.114.270.970	45.894.958.383	2.187.572.760	36.215.480.880	497.840.073	270.910.123.066
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	8.767.508.010	8.657.607.604	1.473.264.743	24.748.974.488	406.097.808	44.053.452.653
Khấu hao trong kỳ	4.347.722.985	2.252.815.252	60.364.056	3.490.292.565	35.010.796	10.186.205.654
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.999.791)	-	(293.380.262)	-	(300.380.053)
Tại ngày 30/06/2010	13.115.230.995	10.903.423.065	1.533.628.799	27.945.886.791	441.108.604	53.939.278.254
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/06/2010	172.999.039.975	34.991.535.318	653.943.961	8.269.594.089	56.731.469	216.970.844.812
Tại ngày 31/12/2009	177.405.357.820	30.442.144.762	714.308.017	11.070.752.541	91.742.265	219.724.305.405

Nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 30/6/2010 với giá trị là 14.648.344.087 VND (tại ngày 31/12/2009 là 13.766.965.261 VND).

Một số tầng của tòa nhà FPT Phạm Hùng, tòa nhà 153 Nguyễn Đình Chiểu đang được các công ty con thuê, sử dụng làm văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty tại ngày 30/06/2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	92,27%	92,27%	Cung cấp các giải pháp CNTT và tích hợp hệ thống
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	Tầng 6-12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	66,07%	66,07%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	Tòa nhà Viglacera, 1 Láng Hòa Lạc, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	91,79%	91,79%	Phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i)	48 Vạn Bảo, Ba Đình, Hà Nội	43,75%	43,75%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Đại học FPT	Tòa nhà Detech, 15B Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty TNHH Bất động sản FPT	Tầng 1, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh, đầu tư bất động sản và cung cấp các dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ và kho bãi
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT	Tầng 5, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	Số 25 ngõ 68 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì cho các thiết bị điện tử, công nghệ và công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT(ii)	131 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	51,03%	66,34%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT	Tầng 5, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Phối hợp xây dựng và vận hành Khu Công nghệ cao Hòa Lạc
Công ty Cổ phần FPT Visky	Tầng 12, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	86,67%	100%	Kinh doanh lĩnh vực nội dung số
Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng	Tầng 1, Tòa nhà FPT, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng	94,9%	94,9%	Kinh doanh lĩnh vực bất động sản và đô thị

(i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 43,75% phần vốn (31/12/2009: 41,62%) và có 43,75% quyền biểu quyết (31/12/2009: 41,62%) tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Công ty có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, do đó Công ty Cổ phần Viễn thông FPT được coi là công ty con.

(ii) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 51,03% phần vốn (31/12/2009: 34,67%) tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT, trong đó lợi ích trực tiếp là 39,12% (31/12/2009: 23,33%) và lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Viễn thông FPT là 11,91% (31/12/2009: 11,34%). Công ty Cổ phần Viễn thông FPT cũng sở hữu 27,22% (31/12/2009: 27,22%) tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT. Trên cơ sở Công ty Cổ phần Viễn thông FPT kiểm soát hơn 50% quyền biểu quyết thông qua các thỏa thuận của họ với Công ty Cổ phần FPT và một nhà đầu tư cá nhân khác của Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT nên Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT được coi là công ty con.

Trong kỳ, Công ty nhận được cổ phiếu mà không phải trả tiền do các công ty con sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chia cổ tức bằng cổ phiếu) để tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu. Do vậy, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần theo hướng dẫn tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Chi tiết như sau:

Công ty con	Cổ phiếu tăng thêm	Cổ phiếu nắm giữ tại ngày 30/6/2010
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	8.312.500	41.562.500
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	5.700.000	34.200.000
	14.012.500	75.762.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	110.000.000.000	110.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	36.300.000.000	36.300.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	325.400.000.000	229.200.000.000
	<u>471.700.000.000</u>	<u>375.500.000.000</u>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30/6/2010 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần	Hoạt động chính
		số hữu và biểu quyết năm giữ	
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	25%	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT	Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	33%	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (i)	Tầng 1-2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	16,90%	Thực hiện dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính liên quan tại Việt Nam

- (i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 16,9% quyền biểu quyết (31/12/2009: 15,96%) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong thông qua đại diện có vai trò chủ chốt của Công ty trong Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong; do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được coi là công ty liên kết của Công ty.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu	-	495.171.113.770
Quỹ đầu tư Việt Nam (BVIM)	30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ đầu tư Việt Nhật	36.300.000.000	24.800.000.000
Đầu tư ủy thác vào Công ty CP Giáo dục Quốc tế Việt Úc	190.000.000.000	-
Khác	5.484.891.300	3.917.852.500
	<u>261.784.891.300</u>	<u>553.888.966.270</u>

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.521.281.608	13.898.174.411
Vay ngắn hạn công ty con	486.146.731.616	230.137.641.392
	<u>496.668.013.224</u>	<u>244.035.815.803</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	68.266.579	258.482.754
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.174.320.791	28.622.190.824
Thuế thu nhập cá nhân	2.393.150.517	1.923.240.620
Thuế nhà thầu	-	1.994.630
	<u>15.635.737.887</u>	<u>30.805.908.828</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Lãi vay	94.472.855.437	29.991.033.262
Các chi phí khác	6.679.997.000	7.182.492.458
	<u>101.152.852.437</u>	<u>37.173.525.720</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4.578.607.385	5.348.143.105
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	676.408.286	544.838.782
Phải trả tiền cổ tức	1.844.843.309	1.723.223.609
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.545.404.720	20.545.404.720
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.112.573.495	1.546.590.564
	<u>29.757.837.195</u>	<u>29.708.200.780</u>

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Thể hiện giá trị trái phiếu phát hành trong năm 2009 tương đương với 1.800 lô được chào bán gồm trái phiếu xác định nghĩa vụ trả nợ đầu tiên và không có bảo đảm bằng tài sản có tổng mệnh giá bằng 1.800 tỷ VND, lãi suất 7%/năm, đáo hạn năm 2012 ("Trái phiếu") và 2.084.400 Chứng quyền. Mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền, tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định, được quyền mua 10 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 VND/Chứng quyền. Ngày thực hiện Chứng quyền được quy định là ngày 9 tháng 10 năm 2011, ngày 9 tháng 10 năm 2012, ngày 9 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu đã được bán hết tại ngày 9 tháng 10 năm 2009.

Theo Thông báo số 167/FPT-FAF ngày 30 tháng 5 năm 2010, tỷ lệ thực hiện Chứng quyền được thay đổi; do vậy, mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền được mua 13,324 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 VND/Chứng quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT89 Láng Hạ, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	1.411.620.740.000	54.851.281.360	(1.831.500.000)	87.203.093.024	103.009.261	627.975.908.151	2.179.922.531.796
Phát hành cổ phiếu	26.698.930.000	-	-	-	-	-	26.698.930.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	826.801.112.824	826.801.112.824
Tặng khác	-	-	-	-	-	2.189.861.912	2.189.861.912
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	(974.050.000)	-	-	-	(974.050.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	(39.412.345.327)	(39.412.345.327)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(356.253.482.000)	(356.253.482.000)
Số dư tại ngày 01/01/2010	1.438.319.670.000	54.851.281.360	(2.805.550.000)	87.203.093.024	103.009.261	1.061.301.055.560	2.638.972.559.205
Phát hành cổ phiếu	18.146.090.000	-	-	-	-	-	18.146.090.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	166.858.238.857	166.858.238.857
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	22.950.000	-	-	-	22.950.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	478.339.410.000	-	-	-	-	(478.339.410.000)	-
Số dư tại ngày 30/6/2010	1.934.805.170.000	54.851.281.360	(2.782.600.000)	87.203.093.024	103.009.261	749.819.884.417	2.823.999.838.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ tức

Ngày 27 tháng 3 năm 2010, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền mặt cho cả năm 2009 là 25% trên mệnh giá, phần cổ tức này đã được Công ty thực hiện chi trả trong năm 2009. Đại hội đồng Cổ đông cũng thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 3:1. Toàn bộ số cổ phiếu phổ thông được chia được niêm yết ngay sau khi thực hiện.

Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	193.480.517	143.831.967
Cổ phiếu đã phát hành	193.480.517	143.831.967
Cổ phiếu phổ thông	192.206.764	142.649.197
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	1.273.753	1.182.770
Cổ phiếu quỹ	(278.260)	(280.555)
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(278.260)	(280.555)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	193.202.257	143.551.412
Cổ phiếu phổ thông	192.206.764	142.649.197
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	995.493	902.215

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá 10.000 VND. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

19. DOANH THU

	<u>Từ ngày 01/01/2010</u> <u>đến ngày 30/06/2010</u>	<u>Từ ngày 01/01/2009</u> <u>đến ngày 30/06/2009</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	133.216.719.763	4.871.652.088.851
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	19.522.133.944	4.741.306.450.163
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	113.694.585.819	130.345.638.688
Các khoản giảm trừ	-	(864.363)
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	133.216.719.763	4.871.651.224.488

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/01/2010</u> <u>đến ngày 30/06/2010</u>	<u>Từ ngày 01/01/2009</u> <u>đến ngày 30/06/2009</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	18.113.344.117	4.689.038.466.372
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	79.149.708.868	46.083.885.192
	97.263.052.985	4.735.122.351.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nhân công	13.866.036.514	20.600.952.339
Chi phí khấu hao	14.401.507.355	14.077.761.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.858.461.470	53.176.486.699
	54.126.005.339	87.855.200.788

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	128.948.480.790	3.162.787.056
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	210.856.752	9.423.027.660
Cổ tức và lợi nhuận nhận được	107.684.177.981	266.201.157.384
Doanh thu tài chính khác	20.160.668.606	48.754.806.515
	257.004.184.129	327.541.778.615

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	83.327.022.605	47.251.593.465
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	175.941.077	31.440.103.822
Chi phí hoạt động tài chính khác (*)	(24.520.006.705)	-
	58.982.956.977	78.691.697.287

(*) Chi phí hoạt động tài chính khác của kỳ hiện tại âm do hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

24. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	104.742.972	23.230.523.693
Các thu nhập khác	125.023.923	65.655.079
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(86.659.613)	(13.249.077.330)
Chi phí khác	(5.924.614)	(83.870.591)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	137.182.668	9.963.230.851

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<u>Từ ngày 01/01/2010</u> <u>đến ngày 30/06/2010</u>	<u>Từ ngày 01/01/2009</u> <u>đến ngày 30/06/2009</u>
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện tại	13.127.832.402	12.465.332.647
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời	-	1.315.185.413
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>13.127.832.402</u>	<u>13.780.518.060</u>

(b) Thuế suất áp dụng

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty không bao gồm phần thuế quyết toán cho giai đoạn theo mã số thuế 13 số của các công ty sau: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bất động sản FPT, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông Giải trí FPT, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Tin học FPT, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT, Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT và Công ty Cổ phần Thương mại FPT.

26. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2010</u> <u>đến ngày 30/06/2010</u>	<u>Từ ngày 01/01/2009</u> <u>đến ngày 30/06/2009</u>
	VND	VND
Góp vốn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	96.200.000.000	79.200.000.000
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	7.290.000.000	89.975.260.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	145.759.614.000	62.629.890.000
Đại học FPT	25.000.000.000	39.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	73.945.575.000	-
Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng	5.895.992.890	-
Bán hàng hóa		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	-	8.089.985.995
Đại học FPT	-	1.153.127.779
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	1.072.154	1.140.384.773
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	14.184.296	-
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	-	4.290.897.399.136
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	146.645.449	280.683.643.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	-	3.711.109
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	113.682.403	4.006.067
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	805.089.974
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	6.480.834.160	2.708.035.989
Đại học FPT	56.657.243	92.928.380
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	116.787.323	81.000.525
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	8.078.478.469	3.002.803.023
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	3.899.037.453	68.431.673.604
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	10.240.727.926	13.545.285.110
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT	2.348.697.626	1.631.724.211
Công ty TNHH Bất động sản FPT	518.284.524	475.405.838
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	2.590.909	5.783.500.000

Nhận cổ tức

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ FPT	1.375.000.000	687.500.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	15.960.000.000	-
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	5.859.616.203	117.021.044.910
Đại học FPT	-	39.000.000.000
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	49.829.258.000	107.436.889.000
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	31.248.697.655	(2.552.276.526)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến	2.162.880.000	4.608.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Số dư các khoản cho vay, ủy thác đầu tư		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	6.719.000.000	470.000.000.000
Công ty Cổ phần FPT Visky	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	100.000.000.000	300.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	469.026.154.800	163.600.000.000
Công ty TNHH Bất động sản FPT	98.385.622.333	-
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	36.666.666.667	-

Số dư các khoản vay

Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	70.495.670.247	1.297.577.952
Công ty TNHH Phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc FPT	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	206.904.793.228	159.659.062.319
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT	21.000.000.000	-
Công ty Cổ phần FPT Visky	14.000.000.000	14.000.000.000
Đại học FPT	107.965.992.587	-
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	60.111.138.033	54.831.531.101
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	669.137.521	349.470.020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Đến thời điểm 30/6/2010, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã phê duyệt thực hiện các dự án sau:

- Dự án xây dựng Đại học FPT tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc: Công ty Cổ phần FPT cấp bổ sung vốn 100 tỷ VND để xây trường Đại học FPT.
- Thông qua việc Công ty Cổ phần FPT góp vốn thành lập “Quỹ công nghệ thông tin FPT vì cộng đồng” với số vốn góp là 2.400.000.000 VND.
- Thông qua phương án tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Đô Thị FPT Đà Nẵng bằng việc mua cổ phần tương đương 325.812.000.000 VND để đạt được tỷ lệ vốn góp 94,8% trên vốn điều lệ của công ty này là 350 tỷ VND. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/6/2010, Công ty mới góp vốn được 5.895.992.890 VND.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 là số liệu đã được soát xét cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Tập đoàn FPT. Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 là số liệu được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 7 năm 2010
